TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2025.
V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang không tham gia.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 2 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ánh M, sinh năm: 2004 (*có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ hiện nay: ấp Ông N, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Danh L, sinh năm: 1999 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Chị Phan Thị Ánh M trình bày:

Năm 2003, chị và anh Danh L tìm hiểu và yêu thương, được gia đình hai bên thống nhất thành vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 06/02/2023 tại UBND xã S. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 15/01/2022, hiện nay con chung đang do anh L nuôi dưỡng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh L.

- Về quan hệ con chung: Chị đồng ý giao con chung cho anh Danh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Danh L có ý kiến:

Anh Danh L đã được Toà án thông báo trực tiếp văn bản tố tụng *(như thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo về việc mở phiên toà sơ thẩm...),* mặc dù anh L biết việc chị M yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh nhưng anh L không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị M và không có mặt theo Thông báo của Toà án và vắng mặt tại phiên toà, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung với anh L theo nội dung đơn khởi kiện. Do bận đi làm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

- Bị đơn anh Danh L vắng mặt tại phiên toà, không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Danh Lâm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh L.

[2]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ánh M thì quan hệ pháp luật được xác định là: *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Danh L có địa chỉ cư trú tại xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay xã S, tỉnh An Giang) nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[3]. *Về nội dung vụ án*: Hôn nhân giữa chị Phan Thị Ánh M và anh Danh L đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 2 năm 2023 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Ánh M và anh Danh L là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt của chị Phan Thị Ánh M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của chị M cho rằng, khi chung sống với anh L, chị với anh L thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân khoảng năm 2024 cho đến nay. Vì vậy, chị xác định chị không còn tình cảm với anh L nên chị kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Trong khi đó, anh L mặc dù được Tòa án tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như: thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Phan Thị Ánh M; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử, hoãn phiên toà nhưng bị đơn anh Danh L không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu

cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ánh M. Điều này cho thấy, anh L không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị M nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 15/01/2022 nên ly hôn chị đồng ý giao con chung co anh L tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung đang do anh L nuôi dưỡng và chị M tự nguyện giao con chung cho anh L nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của đương sự không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không cấp dưỡng nuôi con chung và anh Danh L không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Chị Phan Thị Ánh M và anh Danh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị Ánh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ánh M được ly hôn với anh Danh L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 15/01/2022 cho anh Danh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phan Thị Ánh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị M thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Danh L không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị M cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Ánh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(bằng chữ: ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009911 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang).

6. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Ánh M và anh Danh L vắng mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
-VKSND khu vực 4 - An Giang;
-Phòng THADS khu vực 4 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh